

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 243/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Cao Thị Bích T**, sinh năm 1987
Địa chỉ: Tổ D T, phường B, tỉnh Khánh Hòa.
Căn cước công dân số: 056187009766 cấp ngày 14/12/2022.

- Bị đơn: Ông **Lê L**, sinh năm 1983
Địa chỉ: Tổ A S, phường B, tỉnh Khánh Hòa.
Căn cước công dân số: 056083003649 cấp ngày 14/12/2022.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Cao Thị Bích T và ông Lê L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung Lê Cao Bảo N (sinh ngày 23/9/2021) cho bà Cao Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Lê L. Ông Lê L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi con chung, bà Cao Thị Bích T và ông Lê L có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Cao Thị Bích T và ông Lê L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Cao Thị Bích T và ông Lê L xác định không có.

- Về án phí: Bà Cao Thị Bích T phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tự nguyện nộp thay ông L 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001833 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, hoàn lại cho bà T 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 1 - Khánh Hòa;
- UBND phường Vĩnh Phước - nay là phường B (Nơi đăng ký kết hôn - Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 14/6/2021);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bảo Trâm